

TÍNH CỘNG ĐỒNG TRONG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN TỘC

PHAN BÍCH HÀ

Tóm tắt

Trong đời sống tư tưởng của người Việt, tâm thức duy cộng đồng luôn chiếm ưu thế đối với tâm thức duy cá nhân. Điều này cũng được thể hiện rõ hơn khi hình tượng tập thể được tô đậm để làm “mờ” đi hình ảnh cá nhân - điều thường thấy trong các tác phẩm văn học - nghệ thuật và điện ảnh của những thời kỳ diễn ra cuộc chiến tranh vệ quốc.

Ngày nay, năng lực cảm thụ của khán giả được phát triển theo chiều hướng đa dạng, cá thể hóa. Thực tế này đòi hỏi các nghệ sĩ cần có sự chuyển biến trong sáng tạo. Các tác phẩm văn học nghệ thuật vừa hướng về cái chung cộng đồng, cái phổ quát, vừa phát huy nét khác biệt của bình diện cá nhân. Sự mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, việc coi trọng bình diện cá nhân trong sự hài hòa với bình diện xã hội là tiền đề quan trọng để phát huy tiềm năng sáng tạo của cái tôi chủ thể nghệ sĩ. Đó cũng là cơ sở để xây dựng những hình tượng đa chiều, với thế giới nội tâm phong phú, được đặt trong nhiều mối quan hệ và trên mọi bình diện, nhằm mở ra khả năng đi sâu và khám phá thế giới nội tâm của con người ở thời đại mới.

1. Tâm thức duy cộng đồng của người Việt

Thường xuyên phải đối mặt với sự thử thách của thiên nhiên, có lẽ cuộc sống nông nghiệp lúa nước với sự tụ cư xóm làng “tắt lửa tối đèn có nhau”, đã tạo nên tính cộng đồng cố kết bền vững trong nếp sống của người Việt. Đặc biệt, một trong những đặc trưng nổi trội của người Việt, là luôn có ý thức hướng về cội nguồn. Từ bao đời, lắng sâu trong lịch sử của dân tộc, khái niệm đất nước, Tổ quốc dường như đã gắn chặt, không tách rời với chi tiết huyền thoại "một bọc trăm trứng"... vẫn lưu truyền bền chặt, bất biến trong dân gian.

Sức sống lâu bền của những hình tượng nghệ thuật từng gắn liền với giai đoạn mở nước, tiếp tục xuất hiện trong lịch sử dựng nước đã thể hiện sự trường tồn, bản sắc sâu đậm của một nền văn hóa, phản ánh tâm thức người **Việt Nam** luôn hướng về cội nguồn. Trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc, mặc dù chế độ cai trị của các đế chế phương Bắc thực thi chính sách đồng hóa, nhưng những truyền thống tốt đẹp của xã hội Văn Lang - Âu Lạc như ý thức cộng đồng, tinh thần dân chủ, coi trọng phụ nữ..., hay các phong tục, tập quán của người Việt vẫn luôn luôn được duy trì, trở thành một sức mạnh bất biến trong việc chống lại sự đồng hóa.

Trong lịch sử văn hóa nghệ thuật của dân tộc, tính cộng đồng còn được thể hiện qua việc giữ gìn truyền thống. Ở lĩnh vực nghệ thuật tạo hình, những di sản mỹ thuật còn lại của nghìn năm độc lập, hầu hết là những công trình tập thể, thuộc sở hữu chung cộng đồng. Từ cuối thời Trần, chùa thường gắn với mỗi làng, nhưng vẫn được xem là nơi hành hương chung của toàn thể cộng đồng. Đình làng cũng là không gian được xem như gắn với vận mệnh của cả làng. Những bức chạm khắc trang trí trên đó cũng thể hiện được tâm lý cộng đồng với một sự giao cảm, gắn bó, gần gũi giữa con người với nhau..

Do nhiều nguyên nhân xã hội và lịch sử, nhìn chung trong đời sống tư tưởng của người Việt, tâm thức *duy cộng đồng* luôn luôn chiếm ưu thế đối với tâm thức *duy cá nhân* (tuy nhiên, vẫn có sự hình thành của con người cá nhân). Con người cá nhân ở các nước phương Đông, trong đó có Việt Nam, luôn phụ thuộc vào cộng đồng. Con người cá nhân được hình thành, hầu như chịu sự chi phối của cộng đồng từ lúc khởi đầu cho đến điểm kết thúc, và dường như, (trong lịch sử cũng như trong văn hóa), bao giờ tính cộng đồng cũng luôn là *nét trội*. Đặc điểm này cũng đã được thể hiện một cách sâu đậm và liên tục, bền bỉ trong văn học nghệ thuật của dân tộc.

Trong các vở diễn truyền thống, hầu như cuộc sống cá nhân chỉ được đi sâu thể hiện, khi thông qua đó, cần đề cập đến một tiêu chuẩn đạo đức, hay phê phán cái bản chất không tốt đẹp của nhân vật. Và dù phải đi vào miêu tả đời sống nội tâm, nhưng yếu tố tâm lý, hay cuộc sống riêng tư của nhân vật ít khi được các tác giả chú tâm đi thật sâu để khai thác kỹ (mặc dù số phận nhân vật có những nét “rích rắc, éo le”). Đặc điểm này có lẽ bị chi phối bởi quan điểm thẩm mỹ của văn học nghệ thuật truyền thống, với ý niệm “văn dĩ tải đạo”.

Con người trong xã hội nông nghiệp cổ truyền, theo ý kiến của nhà nghiên cứu Đỗ Lai Thúy, là: ít dám phá vỡ hệ thống chuẩn mực xã hội để tự do phát triển cá nhân. Hơn nữa, có thời kỳ, Nho giáo với tư cách là một học thuyết cai trị, đã hướng con người phải hành xử theo những chuẩn mực đã định đặt ra của nó. Sự làm mờ nhạt đi cái sáng kiến cá nhân của Nho giáo, “kết hợp với *tâm thức cộng đồng của Foklore* đã làm cho sự phát triển của ý thức cá nhân càng trở nên khó khăn hơn”.

Trong nền *văn minh nông nghiệp* (chủ yếu dựa vào thiên nhiên), con người bị ràng buộc chặt chẽ với thiên nhiên và xã hội. Sự lệ thuộc đó có hình thức cụ thể là cá nhân bị “cột chặt vào cộng đồng”. Cá nhân, bởi thế, “lấy bản tính chung của nhóm làm bản tính riêng của mình một cách tự nhiên, như nhiên”. Nhìn nhận ở một *diện* nào đó, thì đặc điểm “khép cái *tôi cá nhân* vào trong cái *ta chung cộng đồng*” cũng tạo nên được một sự cộng cảm, và có giá trị, ý nghĩa giáo dục *ý thức cộng đồng*. Ý thức cộng đồng này bao trùm toàn bộ ý thức xã hội, tạo thành một cơ tầng khá vững chắc, khiến mọi hệ thống tư tưởng “ngoại lai” không làm thay đổi nổi cấu trúc xã hội (mà chỉ tạo nên được *một lớp phủ bề ngoài*... “ở cấu trúc nổi”). Và trong điều kiện của một xã hội nông nghiệp cổ truyền, thì dường như con người ít có cơ hội để trở thành *cá nhân* một cách “cá biệt”, với cá tính sắc nét, góc cạnh..., nên *cái tôi* của họ vẫn chỉ là *cái tôi cộng đồng*, “cái tôi mang tính đại diện”...

Con người Việt Nam là con người của mọi mối liên hệ dằng dịt với những ý thức trách nhiệm và bổn phận một cách tự nguyện. Từ đó, luôn có sự gắn bó với quê cha, đất tổ; hướng về tổ tiên, cội nguồn, coi trọng chữ hiếu, giàu lòng nhân ái với tính cộng đồng bền chặt. Tinh thần cố kết cộng đồng vốn được nuôi dưỡng trong cái nôi văn hoá thuần Việt, nên giá trị chuẩn mực trong giao tiếp xã hội không chỉ thiên về duy lý, mà thiên về duy tình, kiểu “thương nhau chín bỏ làm mười”. Tình cảm cố kết cộng đồng cũng được ca dao, tục ngữ ghi lại và trở thành thể ứng xử cổ điển của các thành viên trong cùng cộng đồng, như: “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”, “*Gà cùng một mẹ, chó hoài đá nhau*,” hay “*Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*”, “*Lá lành đùm lá rách*”, hoặc “*Ta về ta tắm ao ta, Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn*” .v.v...

Tâm thức dân gian mang nét truyền thống này không chỉ được thể hiện trong đời sống, ứng xử thường nhật, mà còn được phản ánh khá đậm nét trong văn học nghệ thuật dân tộc. Hình tượng con người tương thân tương ái, tình cảm cộng đồng sâu sắc với những hành động nghĩa hiệp thường được các tác giả chú tâm xây dựng. Trong các tác phẩm, đề cập tới nhân nghĩa, nhưng không phải là khái niệm nhân nghĩa chung chung, mà là nhân nghĩa gắn bó với cộng đồng. Quan điểm dân tộc và cộng đồng được thể hiện rất sâu sắc, nên thấm vào cuộc sống của nhân dân, vì vậy ý nghĩa của các tác phẩm được triển khai ở cả chiều rộng lẫn chiều sâu.

Theo các nhà nghiên cứu, xã hội Việt Nam cổ truyền vốn là một xã hội tiền công nghiệp, với nền kinh tế nông nghiệp tự nhiên, tự cấp, tự túc. Cư dân đa số là nông dân trồng lúa nước trên những thửa ruộng nhỏ, phần lớn lại là ruộng công... đã để lại dấu ấn sâu đậm lên tâm thức, kiểu tư duy, thể ứng xử, đặc biệt là sự hình thành nhân cách cá nhân. Trong xã hội Việt Nam cổ truyền, “*cái tôi làng xã*” vẫn mang tính “phổ quát”, vì người Việt chủ yếu là con người của cộng đồng, của gia đình, dòng họ, của làng, nước... điều này đã để lại dấu vết trong sự hình thành nhân cách cá nhân.

2. Hình thành con người cá nhân trong văn học nghệ thuật

Khác với phương Tây, con người Việt Nam từ xưa đã “chưa có địa vị cá nhân đầy đủ”, tuy nhiên, quá trình “cá thể hóa” vẫn được diễn ra.

Văn học cổ xưa ít đề cập tới thân phận cá nhân, mãi tới các tác phẩm thơ Nôm, thân phận cá nhân mới được khắc họa sâu. Lần đầu tiên, tác phẩm thơ Nôm trường thiên *Cung oán ngâm khúc* (thế kỷ XVIII) của nhà thơ Nguyễn Gia Thiều đã đề cập tới thân phận cá nhân một cách sâu sắc. Nàng cung nữ của Nguyễn Gia Thiều giận vua đã “Dang tay muốn dứt tơ hồng”. Số phận cô đơn, buồn thảm của người cung nữ trong xã hội phong kiến đã được miêu tả với những khúc ngâm dằn vặt, oán than. Thân thế, suy nghĩ, tâm trạng, ý nguyện của người cung nữ, đã phản ánh những cảm nghĩ của chính tác giả về thời thế, và những quan niệm nhân sinh.

Theo *Từ điển văn học Việt Nam*, thì đề tài “cung oán” vốn quen thuộc trong thơ văn Trung Quốc và các nền văn học vùng Đông Á trung đại. Với những sáng tác về đề tài này, các tác giả vừa thể hiện sự thông cảm với cảnh ngộ của các cung nữ, đồng thời thường ngầm tự “vĩ” thân phận mình với những phụ nữ bị bỏ rơi. *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều cũng như *Cung oán thi* của Nguyễn Huy Lượng hoặc của Nguyễn Hữu Chỉnh, *Cung oán thi tập* của Vũ Trinh, *Tàn cung nữ oán báii Công văn* của Đặng Trần Thường, v.v... đã thể hiện truyền thống chung ấy. *Cung oán ngâm khúc* thể hiện nỗi buồn khổ của của người cung nữ theo lối phóng dụ, qua đó, tác giả bộc lộ nỗi bất bình mình trước “cuộc thành bại”. Nỗi niềm riêng đã được biểu tượng hóa và chuyển biến thành nỗi bất bình của thân phận làm người trong “cõi thế phù du” do tạo hóa bày đặt, sai khiến. Đó là tâm trạng đau đớn về một thời đại thăng trầm, sụp đổ của vương triều Lê - Trịnh, về số phận con người bị xô đẩy trong các biến cố của thời đại.

Trong sự đồng cảm của tác giả với “khát vọng ái ân” ở người cung nữ, giới nghiên cứu tìm thấy “sự tương đồng của tác phẩm này với cảm quan nhân đạo chủ nghĩa, cảm hứng khẳng định quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc, nhất là hạnh phúc lứa đôi, của con người, được thể hiện trong các khúc ngâm và truyện thơ Nôm thế kỷ XVIII - XIX”. Trong văn học, *cái tôi cá*

thể đã được đề cập đến, và *cái tôi cá nhân* đã lên tiếng, trăn trở, đòi hỏi hạnh phúc riêng tư cho bản thân mình.

Trong sân khấu Chèo, không chỉ có hình tượng những người phụ nữ vì tình nghĩa, biết chịu đựng, mà còn có những nhân vật mang tính cách bùng nổ, sẵn sàng nổi dậy, vùng thoát khỏi sự trói buộc của lễ giáo phong kiến, để giành quyền sống, quyền yêu đương cho mình. Đó là nhân vật Thị Mầu táo bạo, thách thức mọi dư luận trong ngọn lửa khát vọng yêu đương của mình. Là Suý Vân bất hạnh bị chồng ruồng bỏ để đi tìm công danh, phú quý, đã vùng dậy, giả dại để thoát khỏi nhà chồng, đi theo mối tình mới. Sa vào cạm bẫy của một xã hội đen tối, bế tắc và cô đơn, Suý Vân đã phá phách, như muốn đảo ngược lại mọi trật tự xã hội, và đã kết thúc số phận mình bằng một cái chết đầy tính bi kịch. “Nhân vật Suý Vân như hình tượng một ngọn lửa đấu tranh cho quyền tồn tại của *cái tôi cá nhân* bùng lên rồi chợt tắt trong đêm đen phong kiến”. Hai hình tượng nhân vật của sân khấu Chèo, Thị Mầu và Suý Vân mà thời phong kiến thường được gọi là *ngịch nữ* chỉ có thể ra đời khi tư tưởng phong kiến đã suy tàn và ý thức giải phóng cá nhân, nhất là đối với thân phận người phụ nữ đã được bộc lộ khá rõ nét trong sáng tác của văn học nghệ thuật truyền thống.

Tuy thời gian dài chịu ảnh hưởng của Nho giáo, một học thuyết được coi là xoá nhòa yếu tố cá nhân, chỉ coi trọng tính cộng đồng, nhưng đã có những câu thơ cất lên đòi hỏi sự phát triển cá nhân. “*Đã mang tiếng ở trong trời đất, Phải có danh gì với núi sông*” (Nguyễn Công Trứ). Là một nhà Nho, nhưng Nguyễn Công Trứ lại coi trọng sự khẳng định cá nhân và phát triển cá tính của con người. Sự phát triển cá tính được diễn ra đồng thời với sự đòi hỏi khẳng định mình của con người cá nhân.

Vào đầu thế kỷ XX, với sự hình thành của các đô thị hiện đại, đã kéo theo sự ra đời của các tầng lớp xã hội hiện đại, con người cá nhân đã có điều kiện để phát triển hơn, nhưng vẫn không thoát ra khỏi cái “tổ kén” cộng đồng. Theo thời gian, quá trình cá thể hóa (theo kiểu phương Đông) đã được phản ánh trong văn học nghệ thuật. Nhà thơ Xuân Diệu diễn đạt cụ thể tâm thức lịch sử này trong *Hy Mã Lạp Sơn*: “...*Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất, Chẳng có chi bè bạn nối cùng ta.*”

Con người theo thời đại đã có những biến đổi, đã khác xưa về thân phận, tính cách, phương thức sống và ứng xử, tác phong sinh hoạt... Các giá trị xã hội có sự mở rộng về nội dung, đặc biệt các *giá trị kinh tế, đạo đức, thẩm mỹ* được mở rộng, chuyên đổi, là tiền đề quan trọng đối với sáng tác văn học nghệ thuật. Theo sự phát triển, *cái đẹp* được quan niệm ngày nay vừa hướng về cái chung, cái cộng đồng, vừa tôn trọng, khuyến khích cái cá biệt, nét khác biệt, cái đa dạng phong phú, “*cái tôi*” của nhân cách. Đó là cơ sở để nghệ thuật xây dựng nên những nhân vật đa chiều, đặt trong nhiều mối quan hệ và nhiều hoạt động trên mọi bình diện, mở ra khả năng đi sâu vào khám phá thế giới nội tâm của con người.

Con đường hình thành cá nhân theo tư tưởng này đã quy định nên những thế ứng xử và xác định mối quan hệ tương hỗ giữa cá nhân và cộng đồng. Tuy diễn ra quá trình cá thể hóa và vai trò cá nhân được quan tâm, nhưng con người Việt Nam vẫn tự coi mình là một mảnh của thiên nhiên, thích sống gắn bó, hài hòa với thiên nhiên, và ý thức tự khép mình vào tính cộng đồng đã trở thành bản thể cố hữu. Trải qua thời gian, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam như ý thức cộng đồng, tinh thần dân chủ, con người sống hài hòa, gắn bó với thiên

nhiên.v.v... vẫn luôn được duy trì, trở thành hệ giá trị, khuôn mẫu đạo đức trong đời sống xã hội. Những đặc trưng này in đậm nét trong văn học nghệ thuật, và trở thành đối tượng sáng tác của văn học nghệ thuật truyền thống.

3. Tâm thức duy cộng đồng - sự khúc xạ trong đặc điểm Tính cộng đồng của văn học nghệ thuật dân tộc

Văn học cổ xưa ít đề cập đến thân phận cá nhân, chủ yếu đề cao tính cộng đồng. Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dường như hình tượng tập thể được tô đậm và lấn át hình ảnh cá nhân. Sau hòa bình thống nhất, những bi kịch về thân phận cá nhân đã được đề cập đến nhiều hơn.

Hình tượng nhân vật văn học nghệ thuật đương đại cũng thể hiện những đặc điểm vốn được bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc. Trong xã hội hiện đại, con người Việt Nam vẫn luôn hướng về cộng đồng và văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Các nhà điện ảnh đã hướng vào hiện thực này để sáng tạo nên những tác phẩm mang đậm tính dân tộc.

Hình tượng nhân vật tiêu biểu được xây dựng trong văn học nghệ thuật Việt Nam giai đoạn trước năm 1975 chủ yếu hướng vào *nhân cách công dân - chiến sĩ*. Phẩm chất chiến sĩ của người công dân thể hiện ở tinh thần chiến đấu dũng cảm, quên mình vì đất nước, vì cộng đồng, tinh thần tiên công cách mạng và ý chí quyết thắng. Phẩm chất chiến sĩ của mỗi công dân đòi hỏi sự phục tùng, sự hy sinh cá nhân tuyệt đối, quên mình vì lợi ích cộng đồng.

Đề cao sức mạnh cộng đồng, cũng là hướng vào những cái *đồng nhất*, cái *thống nhất của mọi cá nhân*. Cái *khác biệt*, nét *cá biệt của cá nhân* trong điều kiện đó, vì thế mờ nhạt, hòa lẫn vào trong cái chung. Các nhân vật được sáng tác trong chiến tranh thường mạnh về tính khái quát, tính đại diện, tính lý tưởng, có tiền đề khách quan từ đặc điểm mỗi người dân phải vì mục tiêu cao nhất của cộng đồng. Cái đẹp nghệ thuật cũng hướng về *cái chung cộng đồng*, cái đồng nhất, không hướng về cái đa dạng, *cái riêng thuộc thế giới nội tâm*. Những mâu thuẫn riêng tư, những hoàn cảnh dưới góc nhìn hẹp của cá nhân bị chìm khuất vào trong toàn cảnh lớn của cái chung, mang tính phổ quát. Trong cách xây dựng nhân vật, người nghệ sĩ thường lựa chọn những nét tính cách, những chi tiết, những xung đột... hướng về việc *khái quát hóa*, thể hiện cái đẹp chung của dân tộc với thẩm mỹ: cái riêng chỉ có giá trị, chỉ đẹp khi hòa lẫn vào trong cái chung. Trong điều kiện đó, *cái khác biệt*, *cái cá biệt của cá nhân* thường mờ nhạt, hòa lẫn vào *cái chung*, *thiếu nét riêng*.

Mô hình cố kết bền vững của người Việt: Nhà - Làng - Nước đã chi phối tới tính cách của người Việt và tạo nên sự hình thành cái *Ta cộng đồng* lớn hơn cái *Tôi cá nhân*. Điều này cũng để lại dấu ấn trong các tác phẩm văn học nghệ thuật dân tộc. Văn học nghệ thuật ít khi dám "phá vỡ cấu trúc" để cấu dựng lên cái tôi cá nhân mang dáng vẻ riêng một cách mạnh mẽ, dữ dội như của văn học nghệ thuật phương Tây. Điều này thể hiện rõ nhất trong việc xây dựng hình tượng nhân vật.

Văn học nghệ thuật quan tâm đặc biệt tới con người và số phận con người. Ngày nay, trong xu thế hội nhập kinh tế và văn hóa với thế giới, văn học nghệ thuật đi vào xây dựng mẫu nhân vật của thời đại, những con người sáng tạo trên mọi lĩnh vực để đưa đất nước từ một nền

kinh tế lạc hậu lên nền kinh tế tri thức. Sứ mệnh của văn học nghệ thuật là thông qua hình tượng nhân vật điển hình để kích thích tiềm năng sáng tạo của con người. Nội dung công cuộc đổi mới của đất nước đã tạo nên những tiền đề mới về chất cho văn học nghệ thuật trong việc xây dựng những hình tượng nhân vật thể hiện các chủ đề yêu nước. Chủ nghĩa yêu nước trong thời đại mới, hoàn cảnh mới đã bổ sung và mở rộng bằng chất liệu mới phù hợp với tinh thần thời đại và trên cơ sở thực tế mới của dân tộc.

Ngày nay, thời đại *công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, sự phân tầng xã hội dưới tác động của kinh tế thị trường đã dẫn đến sự ra đời của nhiều lớp người mới, nhiều ngành nghề mới. Thời đại đã tạo thêm và mở rộng ra những mẫu nhân vật mới đa dạng và sinh động, giúp các nghệ sĩ có thêm chất liệu phong phú để xây dựng hình tượng mẫu nhân vật đương đại.

4. Sự cần thiết phải xây dựng *con người cá nhân* trong văn học nghệ thuật đương đại

Từ sau thời kỳ đổi mới (năm 1986), trên cơ sở tiêu chuẩn xây dựng nhân cách công dân, coi con người là một cá nhân toàn vẹn, là sự thống nhất, hài hoà giữa mặt cá nhân và mặt xã hội, việc xây dựng nhân vật theo nguyên tắc lý tưởng hóa hay hiện thực hóa, là một yếu tố mang tính đặc thù của sáng tạo nghệ thuật, mang tính giai đoạn lịch sử.

Trong các tác phẩm của thời kỳ đổi mới, trong khi ca ngợi phẩm chất hy sinh vô giá của cá nhân cho cộng đồng, cho Tổ quốc, đã không coi nhẹ bình diện *cái tôi* cá nhân, mà ngược lại, tính cách của nhân vật đã được đặt trong mối quan hệ tổng hòa giữa cá nhân và cộng đồng. Hy sinh cho cộng đồng, nhưng cá nhân cũng có những đòi hỏi cần được đáp ứng. Những đòi hỏi đó đã được khai thác dưới góc độ tạo động lực cho hành động của nhân vật. Trong các tác phẩm văn học nghệ thuật, bình diện thế giới bên trong của cá nhân ngày càng có một vị trí thích đáng hơn mặc dù vẫn kế thừa những phẩm chất tốt đẹp của nhân cách công dân - chiến sĩ thời chiến tranh giải phóng. Với đặc điểm của thời bình, những yếu tố con người cá nhân bình thường từng bước bắt đầu có vị trí nhất định bên cạnh yếu tố xã hội, yếu tố cộng đồng vẫn luôn là cái khung chủ đạo. Một số yếu tố cá nhân, bình diện con người cá nhân đã bắt đầu được chú ý hơn khi văn học nghệ thuật đi vào xây dựng tính cách nhân vật.

Yếu tố *con người cá nhân* được quan tâm hơn đã tạo tiền đề cho tính cá biệt, đa dạng của nhân vật trong văn học nghệ thuật sau chiến tranh, tạo được độ sâu cho cá tính nhân vật. Những yếu tố mới trong nội dung chủ đề đã ảnh hưởng trực tiếp tới hình thức nghệ thuật biểu hiện, tạo tiền đề cho việc xây dựng các nhân vật văn học nghệ thuật với chiều sâu mới. Những tìm tòi mới đã xoáy sâu hơn vào *bình diện cá nhân*, vào mối quan hệ cá nhân và cộng đồng, được xây dựng trên cơ sở một quan niệm nghệ thuật mới. *Trong xây dựng hình tượng nhân vật, bình diện thế giới bên trong của cá nhân đã có địa vị thích đáng hơn*. Tính cách nhân vật được khai thác trong mối quan hệ phức tạp, đa chiều giữa cá nhân và cộng đồng. Các nghệ sĩ đã có cái nhìn mới hơn về bình diện *cái tôi cá nhân của nhân vật* (qua đó cũng thể hiện được *cái tôi của chủ thể sáng tạo*).

Ở lĩnh vực điện ảnh, các nhà làm phim đã có cái nhìn xoáy sâu vào sự nghiệt ngã của những số phận. Tác phẩm *Bến không chồng* là câu chuyện về những người “phụ nữ vọng phu” qua hai cuộc kháng chiến. Họ phải chịu đựng nỗi ám ảnh bởi bóng đêm lê thối của lệ làng, những

thói quen từ “vô thức của cộng đồng”. Ngoài sự tàn phá của chiến tranh, con người còn phải đối mặt với những định kiến khắc nghiệt của xã hội xâm phạm vào cuộc sống riêng tư, bắt con người phải sống theo một "hệ chuẩn mực" cũ. Dư luận xã hội như trở thành một "bộ luật vô hình" bắt mọi cá nhân trong cộng đồng phải tuân thủ. Chính sức mạnh vô hình của lễ thói, dư luận, tập tục đã đẩy nhân vật Vạn - một bộ đội phục viên, người đã sống khắc khổ trong mấy mươi năm, không lấy ai, “như một tấm gương về đạo đức” đã phải ngã quy. Khi người phụ nữ trẻ yêu Vạn quay trở lại làng cùng với đứa con mà ông đã một lần lỡ sống "lệch chuẩn", ông Vạn đã treo cổ tự tử trước sự ngỡ ngàng của cả làng.

Bi kịch cá nhân của ông Vạn đã rõ ràng, còn cái *bi kịch của cả làng* chắc chính những người trong cuộc cũng không hề ý thức. Đề cập đến vấn đề cá nhân và cộng đồng, *Bến không chồng* là một cách nhìn xoáy sâu vào những nghiệt ngã của số phận và với cách thể hiện khá bạo liệt, mới mẻ trong xử lý nghệ thuật.

Tính cá biệt của nhân vật cũng mang dấu ấn, quan niệm, phong cách nghệ thuật của người nghệ sĩ. Trong một ý nghĩa nào đó, hình tượng nghệ thuật là sự thống nhất giữa khách thể và chủ thể, là chủ thể được khách thể hóa lần thứ nhất trong tác phẩm, rồi lại được khách thể hóa lần thứ hai trong cảm thụ của công chúng khán giả. Những dấu ấn sáng tạo riêng, quan niệm thẩm mỹ, phong cách nghệ thuật riêng của người nghệ sĩ được phát huy, là tiền đề để sáng tạo nên những nhân vật có cá tính rõ rệt.

Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật trong giai đoạn đổi mới đã mang màu sắc hiện thực khá đậm nét, mạnh dạn phản ánh được nhiều mặt của cuộc sống xã hội, đồng thời đã có những tìm tòi mới mẻ trong ngôn ngữ thể hiện. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một nghịch lý: đề tài đổi mới, nghệ thuật có sự tìm tòi trong thể hiện, nhưng các nhân vật không để lại nhiều ấn tượng... Để xây dựng nhân vật của thời đại mới, văn học nghệ thuật Việt Nam cần đi sâu vào quá trình sáng tạo nhân vật theo hướng cá thể hóa, phải quan tâm tới phép biện chứng của quá trình này. Thời đại mới đòi hỏi sự sáng tạo mạnh mẽ và hiệu quả của từng con người, nên vai trò của cái Tôi trong mỗi cá thể phải được đề cao. Ngày nay, công chúng của văn học nghệ thuật đã có sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ, năng lực cảm thụ của khán giả được phát triển theo hướng đa dạng hóa, cá thể hóa. Điều này đòi hỏi các nghệ sĩ cũng cần có sự chuyển biến trong quá trình sáng tạo các tác phẩm văn hóa nghệ thuật.

Trong xu thế mới, nghệ thuật vừa hướng về cái chung, cái cộng đồng, cái phổ quát, vừa tôn trọng, phát huy cái cá biệt, "cái tôi" của nhân cách. Sự mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, việc coi trọng bình diện cá nhân trong sự hài hòa với bình diện xã hội là một tiền đề quan trọng để phát huy tiềm năng sáng tạo của cái tôi chủ thể nghệ sĩ. Đó cũng là cơ sở để các nghệ sĩ xây dựng những hình tượng văn học nghệ thuật nhiều chiều, với thế giới nội tâm phong phú, sinh động, phù hợp với sự phát triển của thời đại mới.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hoá sử cương*, NXB Đồng Tháp, 1938.
2. Lại Nguyên Ân, Bùi Văn Trọng Cường, *Từ điển văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.

3. Trần Bảng, *Khái luận về Nghệ thuật C*